

Số: 01/2026/QĐST-HNGĐ

Thanh Hóa, ngày 17 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - THANH HÓA

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 điều 35, khoản 3 điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 01/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*”. Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Phạm Văn X, sinh năm 1985

Số định danh cá nhân: 038085030624

- Chị Hà Thị T, sinh năm 1985

Số định danh cá nhân: 038185020918

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã G, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Anh Phạm Văn X và chị Hà Thị T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn. Người yêu cầu là anh X và chị T đều có nơi đăng ký thường trú tại thôn K, xã G, tỉnh Thanh Hóa nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thanh Hóa theo quy định tại khoản 2 Điều 29; Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. **Về hôn nhân:** Anh Phạm Văn X và chị Hà Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện L, tỉnh Thanh Hóa (nay là UBND xã G, tỉnh Thanh Hóa), được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 27/2010, ngày 20/9/2010.

Sau khi kết hôn, anh X và chị T chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung trong quan hệ hôn nhân và cách nuôi dạy con, vợ chồng thường xuyên to tiếng, xúc phạm lẫn nhau. Vợ chồng đã được gia

đình hai bên hòa giải, hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả mà ngày càng trầm trọng.

Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2025 đến nay, chị T bỏ về sinh sống cùng bố mẹ đẻ, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn.

Nay anh X và chị T đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh X và chị T tự nguyện ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

Xét thấy: Ngày 09/3/2026, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, anh Phạm Văn X và chị Hà Thị T đã thật sự tự nguyện ly hôn nên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh X, chị T theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Anh Phạm Văn X và chị Hà Thị T có 02 con chung là cháu Phạm Thị Hồng V, sinh ngày 12/10/2010 và cháu Phạm Công V1, sinh ngày 28/4/2015. Anh X và chị T thống nhất thỏa thuận giao cháu V cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu V1 cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng. Anh X và chị T không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Anh X, chị T được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở trở nhưng hai bên không được lạm dụng việc thăm nom, nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản và công nợ: Anh Phạm Văn X và chị Hà Thị T tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Anh Phạm Văn X và chị Hà Thị T thống nhất chị Hà Thị T là người chịu toàn bộ lệ phí việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Phạm Văn X và chị Hà Thị T thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Anh Phạm Văn X và chị Hà Thị T có 02 con chung là cháu Phạm Thị Hồng V, sinh ngày 12/10/2010 và cháu Phạm Công V1, sinh ngày 28/4/2015. Anh X và chị T thống nhất thỏa thuận giao cháu V cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu V1 cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng. Anh X và chị T không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Anh X, chị T được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở trở nhưng hai bên không được lạm dụng việc thăm nom, nuôi con để cản trở hoặc

gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản và công nợ:** Anh Phạm Văn X và chị Hà Thị T tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Hà Thị T tự nguyện nộp toàn bộ số tiền lệ phí dân sự sơ thẩm việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa theo biên lai số: 0001252 ngày 24/02/2026. Chị Hà Thị T đã nộp đủ tiền lệ phí.

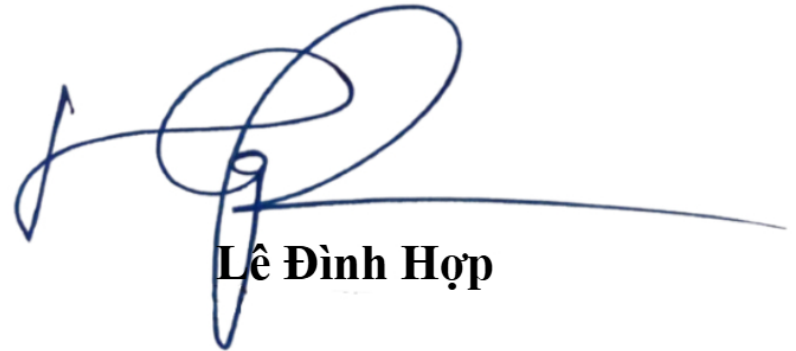
3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 11 - Thanh Hóa;
- UBND xã Giao An, tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Công TTĐT-TAND;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN



Lê Đình Hợp